

THÔNG TƯ 121: THÁO GỖ VƯỚNG MẮC VỀ TÀI CHÍNH CHO CÁC TỔ CHỨC KH&CN CÔNG LẬP

Có thể nói, một trong những văn bản pháp luật được các tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) mong chờ nhất trong năm 2014 đó là Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25.8.2014 (Thông tư 121) do liên Bộ: KH&CN, Tài chính ban hành để hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập. Thông tư 121 được đánh giá là “tháo gỡ những vướng mắc quan trọng về tài chính” - một trong những vấn đề trăn trở nhất của các tổ chức KH&CN công lập trong suốt gần 10 năm qua.

Để giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về vấn đề này, Tạp chí KH&CN Việt Nam đã có cuộc trao đổi với ông Trần Đắc Hiến - Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - đơn vị được Bộ KH&CN giao chủ trì phối hợp cùng các đơn vị chức năng của Bộ Tài chính soạn thảo Thông tư nêu trên.

Nghị định 115/2005/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập đã được ban hành cách đây gần 10 năm, và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi một số điều của Nghị định 115 cũng được ban hành cách đây gần 5 năm. Vậy tại sao đến nay mới có Thông tư hướng dẫn thực hiện việc dự toán nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng - một trong những vấn đề vướng mắc nhất đối với các tổ chức KH&CN công lập, thưa ông?

Câu hỏi của bạn cũng chính là vấn đề trăn trở của các nhà quản lý, các nhà làm chính sách trong suốt thời gian qua. Phải thừa nhận một thực tế là, tài chính cho KH&CN nói chung luôn là vấn đề vướng mắc của ngành KH&CN trong suốt nhiều thập niên do bị phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và khách quan khác nhau. Chính vì vậy, sự chậm trễ trong việc ban hành Thông tư 121 có nhiều nguyên nhân, nhưng theo tôi có 2 nguyên nhân chính gây ảnh hưởng/làm chậm quá trình chuyển đổi theo Nghị định 115 và Nghị định 96: Nguyên nhân thứ nhất là sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong việc xây dựng và ban hành Thông tư chưa thật hiệu quả, dẫn đến sự ra đời muộn của Thông tư. Điều này cũng bởi do có quá nhiều vấn đề về tài chính phát sinh trong quá trình hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định 115 và Nghị định 96 khiến các nhà hoạch định chính sách lúng túng, khó thống nhất được

quan điểm để ban hành Thông tư. Đây là nguyên nhân chính làm cho các tổ chức KH&CN công lập “loay hoay” trong quá trình chuyển đổi, không đáp ứng yêu cầu về thời hạn chuyển đổi theo quy định tại Nghị định 115 và Nghị định 96. Mặc dù Bộ KH&CN đã rất cố gắng hỗ trợ các tổ chức KH&CN chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhưng một số vấn đề khó khăn, vướng mắc về tài chính, thuế... không thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ KH&CN nên quá trình chuyển đổi diễn ra chậm chạp, chưa tạo được động lực và quyết tâm cho các đơn vị chuyển đổi. Nguyên nhân thứ hai chính là sự thiếu chủ động của các tổ chức KH&CN công lập trong việc thực hiện chuyển đổi cộng với tâm lý ỷ lại vào bao cấp của ngân sách nhà nước. Tôi nói “thiếu chủ động” và “ỷ lại” là vì trên thực tế mặc dù chưa có thông tư hướng dẫn nhưng nhiều tổ chức đã mạnh dạn, quyết tâm chuyển đổi theo quy định tại Nghị định 115, Nghị định 96 và đã thành công, hiệu quả hoạt động tốt, thu nhập và đời sống của cán bộ, viên chức ngày càng được cải thiện và nâng cao như một số tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ KH&CN... Họ thậm chí còn mong muốn được chuyển đổi sớm và rất chủ động trong công tác này. Còn lại đa số các tổ chức chưa chuyển đổi có tâm lý ỷ lại (do năng lực yếu, muốn trông chờ vào bao cấp của Nhà nước hoặc do sự thiếu quyết liệt của cơ quan chủ quản).



Vì vậy, khi Thông tư 121 được ban hành, đây được xem như giải tỏa vướng mắc về tài chính cho các tổ chức KH&CN công lập khi thực hiện chuyển đổi. Đến thời điểm này thì hành lang pháp lý cho các tổ chức KH&CN chuyển đổi đã đầy đủ và không có lý do gì chúng ta không thực hiện quyết liệt vấn đề này. Hơn nữa, theo quy định của Thông tư, đến hết năm 2015 nếu tổ chức KH&CN không có đề án chuyển đổi thì không được cấp có thẩm quyền phê duyệt và không được Nhà nước cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

Xin ông cho biết điểm then chốt của Thông tư 121 và những ưu điểm khi thực hiện Thông tư là gì?

Thông tư 121 có tên gọi đầy đủ đúng như nội dung của nó là: hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập. Theo đó, nói một cách dễ hiểu là Thông tư 121 đã thay đổi căn bản phương thức cấp kinh phí hoạt động thường xuyên cho tổ chức KH&CN công lập từ **phương thức cấp theo đầu biên chế** hiện nay sang cấp theo **nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng**. Ví dụ, trước đây tổ chức có 30 người làm việc, định mức bình quân là 3,5 triệu đồng/người/tháng, tính ra tổ chức được cấp kinh phí hoạt động thường xuyên là 1.260 triệu đồng/năm. Như vậy, người làm việc ít cũng như người làm việc nhiều, thậm chí không làm việc cũng vẫn được trả lương. Nay theo Thông tư 121, Nhà nước sẽ không cấp kinh phí theo đầu biên chế nữa mà cấp theo nhiệm vụ. Tổ chức KH&CN sẽ phải lập danh sách nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của đơn vị mình để trình cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt và giao nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, lập dự toán kinh phí cho từng nhiệm vụ, trình cơ quan chủ quản phê

duyet và cấp kinh phí để thực hiện. Cuối năm, cơ quan chủ quản sẽ tổ chức đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng này. Thực hiện theo phương thức trên có 2 ưu điểm: một là, tạo sức ép buộc các tổ chức KH&CN công lập phải làm việc thật sự, cuối năm có đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ theo đúng thuyết minh đã đăng ký. Nếu kết quả không đạt, cơ quan chủ quản sẽ không giao nhiệm vụ này cho tổ chức KH&CN trong năm tiếp theo. Điều này khắc phục được tình trạng làm giả, làm đối phó, hoặc làm qua loa cho xong của một số tổ chức KH&CN. Thứ hai là tăng thẩm quyền của thủ trưởng tổ chức KH&CN. Thủ trưởng tổ chức KH&CN là người có thẩm quyền cao nhất trong việc lựa chọn người/nhóm người thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng với nguyên tắc ai làm việc đến đâu thì sẽ được hưởng lương đến đó, bảo đảm công bằng và minh bạch, không có chuyện không làm gì mà vẫn hưởng lương hoặc làm ít cũng hưởng như làm nhiều. Thủ trưởng đơn vị sẽ toàn quyền quyết định vấn đề này.

Tóm lại, Thông tư 121 sẽ hướng dẫn các tổ chức KH&CN công lập hiểu rõ cách thức xây dựng dự toán các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và quản lý hoạt động này của đơn vị. Đây chính là vấn đề vướng mắc trong suốt gần một thập niên qua đến nay mới được giải đáp cụ thể.

Mặc dù các văn bản pháp lý đã được ban hành với nhiều ưu điểm như vậy, nhưng trên thực tế việc thay đổi tư duy là không dễ. Vậy cơ quan quản lý có giải pháp gì để hỗ trợ các tổ chức KH&CN chuyển đổi thành công, thưa ông?

Như trên đã nói, sở dĩ quá trình chuyển đổi của các tổ chức KH&CN công lập trong cả nước diễn ra quá chậm chạp là do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân được mổ xẻ nhiều nhất là thiếu hướng dẫn về tài chính. Như vậy, sau khi Thông tư 121 được ban hành thì không còn lý do gì để không thực hiện việc chuyển đổi này, bởi lẽ:

Thứ nhất, chúng ta đã có đầy đủ hành lang pháp lý để thực hiện việc chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Để nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN, đóng góp thiết thực và mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội thì cơ chế quản lý hoạt động KH&CN nói chung, các tổ chức KH&CN nói riêng cần phải tiếp tục được đổi mới một cách mạnh mẽ và đồng bộ. Các tổ chức KH&CN phải làm việc tích cực, chủ động, sáng tạo và tự chủ mạnh mẽ hơn nữa. Nhà

nước không thể bao cấp mãi cho một tổ chức không có khả năng làm việc, không có đóng góp cho xã hội nhưng lại đều đặn hưởng các nguồn kinh phí từ ngân sách.

Thứ hai, tôi rất đồng tình với quan điểm thay đổi tư duy là không dễ, nhưng đây là việc đầu tiên phải thực hiện. Chỉ có đổi mới thường xuyên và sáng tạo mạnh mẽ mới giúp chúng ta tồn tại và phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay. Mặc dù tiếp cận và áp dụng cái mới cần thời gian để thích nghi, nhưng tôi tin đó không phải là vấn đề lớn đối với các tổ chức KH&CN công lập. Việc thực hiện Thông tư 121 có thể chỉ bỏ ngõ trong thời gian đầu, sau đó mọi việc sẽ đi vào nề nếp, các tổ chức KH&CN công lập sẽ quen với cách làm mới; các cơ quan chủ quản cũng như Bộ KH&CN luôn sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện để tổ chức KH&CN công lập thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được giao. Cũng thông qua việc thực hiện Thông tư 121 sẽ giúp cơ quan quản lý sàng lọc, đánh giá được năng lực thực sự của các tổ chức KH&CN công lập, từ đó có giải pháp đầu tư đúng, hiệu quả, đồng thời có phương án sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức yếu kém. Điều mà chúng tôi kỳ vọng khi thực hiện Thông tư 121 là không chỉ giúp các cơ quan quản lý kiểm soát được hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc mà còn giúp việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước được đúng mục đích, hiệu quả. Các tổ chức KH&CN công lập phải không ngừng sáng tạo để khẳng định mình, phải có sản phẩm cho xã hội và thị trường, phải phát huy năng lực nội sinh để tồn tại và phát triển trong một môi trường năng động.

Xin cảm ơn ông.

Thực hiện: **HH**

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ VÀ ỨNG XỬ CỦA DOANH NGHIỆP

NGUYỄN HỮU CẢN

Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ

Độc quyền sáng chế (ĐQSC) là một loại tài sản trí tuệ có giá trị, tạo ra lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Tuy nhiên, so với các tài sản trí tuệ khác, bản chất và đặc điểm của ĐQSC có những đặc thù riêng, đòi hỏi các doanh nghiệp phải nắm vững để vận dụng, ứng xử phù hợp nhằm khai thác tối đa những lợi ích do ĐQSC mang lại, đồng thời hạn chế những rủi ro mà doanh nghiệp có thể gặp phải trong môi trường kinh doanh đầy năng động nhưng khắc nghiệt.

Đặc điểm của ĐQSC

ĐQSC là một loại tài sản trí tuệ của tổ chức, cá nhân được Nhà nước thừa nhận dưới hình thức cấp văn bằng bảo hộ¹ và cho phép tổ chức, cá nhân đó có quyền ngăn cấm bất kỳ người nào khác sử dụng sáng chế (SC) thuộc độc quyền nhằm mục đích thương mại mà không được phép của mình trong khoảng thời gian nhất định (thường là 20 năm). ĐQSC được Nhà nước thừa nhận bằng pháp luật về sở hữu trí tuệ, được Nhà nước bảo đảm thực thi bằng các biện pháp chế tài và hệ thống các cơ quan thực thi của Nhà nước.

Bản chất của ĐQSC là quyền ngăn cấm người khác sử dụng SC² nhằm mục đích thương mại mà không được phép của chủ sở hữu SC trong thời gian và lãnh thổ bảo hộ, và quyền thực hiện hành động pháp lý cần thiết (chẳng hạn khởi kiện tại tòa án) nhằm chống lại việc sử dụng nêu trên. Như vậy, sự tồn tại của ĐQSC khiến cho bất kỳ người nào muốn sử dụng SC nhằm mục đích thương mại đều phải xin phép chủ sở hữu SC,